

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Võ Thị Bạch L**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện G, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* anh **Châu Công B**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L có mặt, anh B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Võ Thị Bạch L trình bày:

Chị và bị đơn là anh Châu Công B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh B vào ngày 28/3/2012. Chị và anh B cùng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh B thường xuyên cờ bạc, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng cũng không có kết quả. Chị và anh B đã sống ly thân khoảng 08 tháng nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Trong quá trình chung sống chị và anh B có 01 con chung là: Châu Hải Yến, sinh ngày 18/12/2013, hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị

có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị L khai chị và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu:

1. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình,

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Bạch L về việc xin ly hôn với anh Châu Công B. Chị Võ Thị Bạch L được ly hôn với anh Châu Công B.

Về con chung: giao cháu Châu Hải Yến, sinh ngày 18/12/2013 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, ghi nhận chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con chung.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị L trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: anh Châu Công B là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B.

[2] *Về hôn nhân*: chị L và anh B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh B vào ngày 28/3/2012 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được coi là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy

nhiên, chị L cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị và anh B đã không sống chung với nhau khoảng 08 tháng nay. Chị L xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh B nữa nên chị L có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng anh B vẫn vắng mặt. Như vậy, tuy biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng anh B đã bỏ mặc không tham gia, không cùng cải thiện tình trạng hôn nhân hiện tại của anh và chị L. Mặt khác, từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay thì anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau như vợ như chồng, không có thời gian đoàn tụ.

Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của chị L và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc xin ly hôn của chị L là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị L và anh B có 01 con chung là: Châu Hải Yến, sinh ngày 18/12/2013. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị L và anh B sống ly thân cho đến nay, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị L vẫn đảm bảo tốt quyền và lợi ích của con. Đồng thời, cháu Yến đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến và cháu Yến cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của cháu Yến nên cần giao cháu Yến cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên, chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị L, không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị L khai chị và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung.

[5] *Về án phí*: chị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bạch L. Chị Võ Thị Bạch L được ly hôn với anh Châu Công B.

2. *Về con chung*: ghi nhận chị Võ Thị Bạch L và anh Châu Công B có 01 con chung là Châu Hải Yến, sinh ngày 18/12/2013.

Giao con chung là cháu Hải Yến cho chị L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: ghi nhận việc chị L khai chị và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: chị Võ Thị Bạch L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002112 ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B; chị L đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thanh;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Đang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang

